

MỘT SAI LẦM “DI TRUYỀN” QUA NHIỀU THẾ HỆ TỪ ĐIỂN VÀ HỆ QUẢ CỦA NÓ TRONG Y-DƯỢC HỌC

Lê Mạnh Chiến*

I. Một sai lầm “di truyền” qua nhiều thế hệ từ điển ở Việt Nam

1. Chữ Vị 猬 (= 蝟) trong các tự điển/từ điển Hán-Việt và Việt-Hán

Hán-Việt từ điển của Đào Duy Anh (xuất bản năm 1932, nay vẫn được in lại và lưu hành rộng rãi) cho biết: Vị 蝟 = tên loài thú, tức con nhím. *Hán-Việt tân từ điển* của Nguyễn Quốc Hùng (Nxb Khai trí, Sài Gòn, 1975) cũng viết: Vị 猬 = con nhím.

Tất cả các quyển từ điển Hán-Việt ra đời từ năm 1990 đến nay, như *Từ điển Trung-Việt* của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (do 12 người biên soạn, với một Ban chỉ đạo, Nxb Khoa học Xã hội, 1992), *Từ điển Hán Việt hiện đại* do Nguyễn Kim Thản chủ biên (Nxb Thế giới, 1994), *Từ điển Hán-Việt* do Phan Văn Các chủ biên (Nxb Khoa học Xã hội, 2002) v.v... đều cho rằng, Vị 猬 (蝟) hoặc Thích vị 刺蝟 nghĩa là con nhím. Ngoài ra, còn có từ Hào trư 豪猪 cũng là nhím.

Hán-Việt tự điển của Thiều Chửu (xuất bản năm 1942, hiện nay vẫn được in lại liên tục) cũng cho rằng, chữ Vị 猬, cũng viết là 蝟, nghĩa là con dím (nhím). Tất cả các quyển tự điển Hán-Việt khác, như *Từ điển Hán Việt văn ngôn dẫn chứng* của Nguyễn Tôn Nhan hoặc của các soạn giả khác gần đây cũng đều viết: Vị 猬 (蝟) = con nhím.

Từ điển Việt-Hán của Hà Thành, Trịnh Ngọa Long, Chu Phúc Đan, Dương Đức Luân (xuất bản ở Bắc Kinh trong những năm 60 của thế kỷ trước, nay được Nxb Giáo dục tái bản nhiều lần) cũng viết: dím (rím, nhím, con dím) = 刺蝟 (Thích vị). *Đại từ điển Việt Hán* của Phan Văn Các (Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2007) cũng viết: nhím = 刺蝟 (thích vị).

Danh từ Vị 猬 (蝟) đồng nghĩa với Thích vị 刺蝟 (*thích 刺* nghĩa là *gai nhọn*). *Tân Hoa tự điển* (新华字典) và tất cả các tự điển/từ điển Hán ngữ đều xác nhận điều đó.

Qua một số dẫn chứng vừa kể và rất nhiều dẫn chứng khác mà không cần nêu thêm nữa, độc giả đủ thấy rằng, danh từ Vị 猬 (蝟) trong Hán ngữ, cũng là Thích vị 刺蝟, đã được tất cả những người biên soạn từ điển ở Việt Nam hiểu là con nhím.

2. Vài nét khái quát về nhím

Để xác nhận hoặc cải chính cách hiểu chữ Vị hoặc Thích vị trong giới học thuật từ trước đến nay, cần phải tra cứu các từ điển/tự điển hiện đại có uy tín của Trung Quốc. Mặt khác, cũng cần phải biết rõ hình dáng, độ lớn và những thuộc tính của nhím (có nơi gọi là dím).

* Thành phố Hà Nội.

Từ điển Bách khoa Việt Nam cho biết (nguyên văn):

NHÍM (*Hystricidae*): họ thú gặm nhấm cỡ lớn, phân bộ Hình nhím (*Hystricomorpha*), bộ Gặm nhấm (*Rodentia*). Bộ lông dài có gai cứng và trâm nhọn để tự vệ; gai có khoanh đen xen trắng. Thân dài 65-90cm. Đuôi dài 12-15cm. Nặng 12-20kg. Ăn thức ăn tinh bột (rễ, củ, hạt), lá non, măng tre, nứa; ăn hại hoa màu (sắn, ngô). Có 4-6 loài, sống ở hang, trong rừng rậm, núi đất, sườn đồi thuộc châu Á, châu Phi.

Ở Việt Nam, thường gặp: 1) **Nhím** *Hystrix* (*Acanthion*) *brachyura*, nặng 15-20kg, đào hang, sống thành đôi hay từng gia đình nhỏ, kiếm ăn ban đêm. Nhím cái chửa 115-120 ngày, mỗi năm đẻ hai lứa vào mùa xuân và mùa thu. Con non nặng 300-400g, thành thực sau một năm; 2) **Don** *Atherurus* *macrourus*, nặng 8-10kg, lông nhỏ và hơi đẹp, sống ở hốc và ngách núi đá. Nhím kiếm ăn theo đàn, khi gặp nguy hiểm, nhím xù lông, đi giật lùi rồi thành linh lao vào kẻ thù.

Căn cứ vào tên khoa học của *Họ nhím* (bằng tiếng Latin, thống nhất trên toàn thế giới) là *Hystricidae*, chúng ta dễ dàng tìm được đúng tên của nhím



Nhím đuôi ngắn hay Nhím Mã Lai
(*Hystrix brachyura*)



Nhím Ấn Độ hay Nhím bởm
(*Hystrix indica*)



Nhím Trung Quốc
(*Hystrix hodgsoni*)



Don hay Nhím đuôi chổi châu Á
(*Atherurus macrourus*)

trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga và Hán lần lượt là Porcupine, Porc-épic, Дикобраз, Hào trư 豪豬 (hoặc Tiễn trư 箭豬). Các bộ đại bách khoa toàn thư của các nước đều viết về nhím tương tự như ở *Từ điển Bách khoa Việt Nam*.

Việc tra cứu thư tịch nước ngoài đã giúp chúng tôi biết thêm một số điều như sau. Loài Don có tên bằng tiếng Anh là Asiatic Brush-tailed Porcupine (Nhím đuôi chổi châu Á). Loài nhím hay gặp nhất ở Việt Nam là *Hystrix (Acanthion) brachyura*, tức là Nhím đuôi ngắn, có tên bằng tiếng Anh là Malayan Porcupine (Nhím Mã Lai). Ở Việt Nam còn có thể gặp loài Nhím Trung Quốc *Hystrix hodgsoni* (Himalayan Porcupine hay Chinese Porcupine) và Nhím Ấn Độ hay Nhím bờm *Hystrix indica* (Indian Porcupine hay Indian Crested Porcupine). Các loài này khác nhau rất ít và có địa bàn sinh sống xen nhau. Nhím không ưa khí hậu lạnh nên chỉ có mặt từ lưu vực sông Trường Giang xuống phía nam.

3. *Vị* (蝟) hoặc *Thích vị* 刺蝟 có phải là nhím hay không?

Tân Hoa tự điển của Trung Quốc (mỗi năm phát hành khoảng 10 triệu bản) giải thích chữ *Vị* 蝟 khá rõ ràng, như sau:

蝟(蝟)=刺猬, 哺乳动物, 身上长着硬刺, 嘴很尖, 昼伏夜出, 捕食昆虫和小动物等. Nghĩa là: *Vị*, 蝟(蝟) = *Thích vị* 刺蝟, là động vật có vú, trên thân mọc những gai cứng, mõm rất nhọn, ban ngày thì lẩn trốn, ban đêm mới ra bắt côn trùng và các động vật nhỏ để ăn.

Độc giả tinh ý có thể nhận thấy ngay rằng, *Thích vị* không phải là nhím. Tuy cũng có lông cứng và ban đêm mới ra kiếm mồi như nhím, nhưng *Thích vị* thì ăn côn trùng và các động vật nhỏ, còn nhím thì ăn rễ cây, củ, hạt, lá non...

Từ điển Từ hải (ấn bản 1989 và 1999) giảng giải kỹ hơn:

刺猬 (*Erinaceus europaeus*) 哺乳纲, 食虫目, 猬科. 体肥短, 长20-25 厘米, 四肢短, 爪弯 而锐利, 目 和耳 都小. 体背密生土棕色的棘刺, 刺基白色, 尖端棕黑色. 面部, 四肢及体腹面无刺, 但毛粗糙. 遇敌害时能卷曲成球, 以刺保护身体. 夜间活动, 主食昆虫和蠕虫, 对农业有益, 有时也食 农作物. 有冬眠现象. 分布在亚洲中部, 北部和欧洲; 中国北部及长江中下游亦产. 皮入药.

Nghĩa là: *Thích vị*, có tên khoa học là *Erinaceus europaeus*, thuộc lớp Động vật có vú, bộ Ăn thịt, họ *Vị*, thân ngắn mập, dài 20-25cm, bốn chân ngắn, móng cong nhưng sắc nhọn, mắt và tai đều nhỏ, lưng mọc dày những gai nhọn màu nâu đất, gốc gai màu trắng, mút nhọn có màu đen-nâu. Mặt, bốn chân và bụng không có gai mà có lông thô. Khi gặp kẻ địch thì có thể cuộn tròn lại như quả bóng, dùng gai để bảo vệ thân thể. Hoạt động vào ban đêm, chủ yếu là ăn côn trùng và giun, có ích cho nông nghiệp, cũng có khi ăn hoa màu, có hiện tượng ngủ đông. Phân bố tại miền bắc và miền trung châu Á, châu Âu. Miền bắc Trung Quốc và vùng trung-hạ du Trường Giang cũng có. Da dùng để làm thuốc.

Qua đó đủ biết rằng, *Thích vị* và nhím khác nhau rất xa: *Thích vị* thuộc bộ Ăn thịt; nhím thì thuộc bộ Gặm nhấm, ăn thực vật. *Thích vị* chỉ dài 20-25cm, lớn bằng hai bàn tay hơi khum úp vào nhau, chỉ có thể nặng trên-dưới 1kg, còn nhím thì nặng đến 15-20kg. *Thích vị* chỉ sống ở xứ lạnh (châu Âu và một phần của châu Á, từ lưu vực Trường Giang trở lên phía bắc), ở Việt Nam không có.

Nhím chỉ sống ở phía nam lưu vực Trường Giang, ở Nam Á và Đông Nam Á, là những nơi mà Thích vị không sống được.

Từ tên khoa học của giống Thích vị, thuộc họ Erinaceidae, dễ dàng tìm được đúng tên của nó trong các ngôn ngữ khác như Anh, Pháp, Nga... là Hedgehog, Hérisson, Ёж... Trước đây, họ Erinaceidae được xếp vào bộ thú Ăn thịt (Carnivora), nhưng hiện nay một số nhà sinh vật học chủ trương xếp họ này vào một bộ mới, là bộ Erinaceomorpha.

Với hình dạng, kích thước và một số đặc điểm vừa kể của con vật sống ở Trung Quốc có tên trong Hán ngữ là Vị 猬 (蝟) hoặc Thích vị 刺蝟, chúng ta có thể (và cần phải) đặt cho nó cái tên bằng tiếng Việt là **chuột nhím**, rồi từ đó, có *Họ Chuột nhím* và *Bộ Hình Chuột nhím*.

Từ nửa đầu thế kỷ 20 trở về trước, chuột nhím ở Trung Quốc đã từng mang những cái tên khoa học như *Erinaceus koreanus* (nghĩa là Thích vị Cao Ly, vì thấy loài này sống ở đông bắc Trung Quốc và Cao Ly, tức Triều Tiên), sau đó đổi thành *Erinaceus amurensis* (= Manchurian Hedgehog = Amur Hedgehog, tức là chuột nhím Mãn Châu hoặc chuột nhím Hắc Long Giang), hay *Erinaceus dauricus* hoặc *Mesechinus dauuricus* (= Daurian Hedgehog = chuột nhím vùng Dauria, thuộc Nội Mông) v.v... Cuối cùng, vì thấy loài này hoàn toàn giống như *Erinaceus europaeus* (European Hedgehog, nghĩa là chuột nhím châu Âu) cho nên hiện nay chuột nhím ở Trung Quốc cũng có tên khoa học là *Erinaceus europaeus* chứ không thể coi là một loài riêng.



Hình ảnh của Chuột nhím

Đến đây, chúng ta hoàn toàn có đủ căn cứ khoa học vững chắc để kết luận rằng, **việc dịch các từ Vị 猬 (蝟) hoặc Thích vị 刺蝟 trong Hán ngữ thành từ nhím trong tiếng Việt là một điều sai lầm đã xảy ra trong tất cả các từ điển/từ điển ở Việt Nam từ trước đến nay.**

4. Những sự nhầm lẫn giữa chuột nhím và nhím trong các từ điển khác ở Việt Nam

a) Nhầm lẫn trong các từ điển Pháp-Việt và Việt-Pháp

Trong quyển *Pháp-Việt từ điển* của Đào Duy Anh (xuất bản năm 1936, tái bản nhiều lần), tại nghĩa 1 của từ mục từ **Hérisson**, soạn giả viết: **Hérisson** = Con nhím, cũng gọi là *porc-épic*.

Từ điển Việt-Pháp của Đào Văn Tập (xuất bản năm 1951 tại Sài Gòn) và của Đào Đăng Vĩ (xuất bản và tái bản nhiều lần tại Huế và Sài Gòn từ năm 1950 đến năm 1970) đều viết: **NHÍM** = *hérisson, porc-épic*. Các từ điển Pháp-Việt của hai ông này (xuất hiện trước các từ điển Việt-Pháp của họ và được tái bản nhiều lần) cũng cho rằng, *Hérisson* và *Porc-épic* đều là *nhím*.

Từ điển sinh học Pháp-Việt của Lê Khả Kế (Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1981) cũng lặp lại sai lầm của ba soạn giả họ Đào.

Như chúng tôi đã trình bày, danh từ *Hérisson* trong tiếng Pháp hoàn toàn tương ứng với danh từ *Vị 猬* (蝟) hoặc *Thích vị* 刺蝟 trong Hán ngữ. Độc giả có thể kiểm chứng điều này bằng từ điển *Le Petit Larousse*, trong đó viết rất rõ (có kèm theo hình ảnh nhỏ) như sau:

HÉRISSON = Mammifère insectivore au dos recouvert de piquants, grand prédateur des insectes, des vers, des mollusques et des reptiles (Long 20cm).

Nghĩa là: **HÉRISSON** = Động vật có vú, ăn côn trùng, lưỡng được bao phủ bằng những mũi gai nhọn, là loài giỏi săn bắt côn trùng, giun, các động vật thân mềm và động vật bò sát (Dài 20cm).

b) Nhầm lẫn trong các từ điển Anh-Việt và Việt-Anh

Từ điển Anh-Việt và *Từ điển Việt-Anh* của Nguyễn Văn Khôn (xuất bản ở Sài Gòn trước năm 1975) đều cho rằng Hedgehog và Porcupine cùng có nghĩa là con nhím.

Từ điển sinh học Anh-Việt (Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1976), *Từ điển Anh-Việt* (Ủy ban KHXH Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học, Nxb KHXH, 1975), *Từ điển Anh-Việt* (Hồ Hải Thụy, Chu Khắc Thuật, Cao Xuân Phổ, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1994), *Từ điển Anh-Việt* (Phan Ngọc chủ biên, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1995), *Từ điển Anh-Việt* (Lê Khả Kế, Nxb KHXH, 1997), *Từ điển Anh-Việt*, (Đại học Ngoại ngữ, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997), *Đại từ điển Anh-Việt* (Bùi Phụng, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2007) cũng cho rằng Hedgehog và Porcupine đều là nhím.

c) Nhầm lẫn trong các từ điển Nga-Việt và Việt-Nga

Từ điển Nga-Việt của Nguyễn Năng An (xuất bản tại Moskva năm 1959 và tái bản nhiều lần) vốn dựa vào một cuốn từ điển Nga-Pháp cỡ nhỏ, trong đó đã dịch rất đúng: *Ёж* = *Hérisson*. Vì tất cả mọi quyển từ điển Pháp-Việt lúc đó đều dịch *Hérisson* = con nhím, cho nên danh từ *Ёж* trong tiếng Nga cũng được dịch thành **con nhím**. Tiếp theo là *Từ điển Nga-Việt* của K.M. Alikanov, V.V. Ivanov và I.A. Malkhanova (xuất bản năm 1977, tái bản nhiều lần) rồi đến *Từ điển Nga-Việt mới* của K.M. Alikanov và I.A. Malkhanova (Nxb Thế giới, Hà Nội, 2007) cũng không tránh khỏi sự nhầm lẫn ấy. Theo các từ điển này thì *Ёж* = (con) nhím, dím, nhím Âu (*Erinaceus europaeus*) và *Дикобраз* = (con) nhím, dím (*Hystrix hirsutirostris*). Chúng ta đã biết rằng, *Erinaceus europaeus* là chuột nhím. *Дикобраз* thì đúng là nhím nhưng ở đây đã viết tên khoa học của nó hơi nhầm một chút: phải là *Hystrix hirsutirostris* mới đúng. Tên này đồng nghĩa với *Hystrix indica*, tức là *Nhím Ấn Độ* hay *Nhím bờm*.

Từ điển Việt-Nga của I.I. Glebova, V.A. Zelentsov, V.V. Ivanov, N.I. Nikulin, A.P. Shiltova (xuất bản ở Moskva năm 1961) vốn dựa vào các cuốn từ điển Việt-Pháp ở Sài Gòn nên đã dịch: *Nhím* = ёж, дикийпорос. Tiếp theo, *Từ điển Việt-Nga* của I.I. Glebova và A.A. Sokolov (Nxb Thế giới, Hà Nội, 2008) cũng viết như thế, nghĩa là vẫn nhầm lẫn giữa chuột nhím và nhím.

d) Sự nhầm lẫn giữa chuột nhím và nhím trong các từ điển ở Việt Nam là do đâu?

Đến đây, hẳn là có độc giả sẽ nghĩ rằng, cụ Đào Duy Anh là người gây ra sự nhầm lẫn này đầu tiên rồi những bậc đàn em của cụ cứ thế mà noi theo. Sự thực thì không hẳn như vậy. Sự nhầm lẫn này đã xảy ra từ trước rất lâu.

Từ điển An Nam-Pháp của J.F.M. Génibrel (*Dictionnaire Annamite-Français*, có tên bằng chữ Hán là *Đại Việt quốc âm Hán tự Pháp thích tập thành* 大越國音漢字法釋集成, xuất bản năm 1898 tại Sài Gòn) đã viết: *NHÍM*, *Con nhím* = *Porc-épic, hérisson*.

Từ điển An Nam-Latin của A.J.L. Taberd (*Dictionarium Anamitico-Latinum*, có tên bằng chữ Hán là *Nam Việt dương hiệp tự vị* 南越洋合字彙, xuất bản năm 1838 tại Serampore, Ấn Độ), đã viết: *Nhím* = *herinaceus*.

Xin lưu ý rằng, *herinaceus* là một cách viết của từ *erinaceus* hiện nay, nghĩa là *chuột nhím*.

Khi biên soạn các từ điển này, các giáo sĩ A.J.L. Taberd và J.F.M. Génibrel (đều là người Pháp) đã nhờ các trí thức Nho học người Việt chuyển các từ tiếng Việt ra chữ Hán rồi từ đó họ mới dịch sang tiếng Latin hoặc tiếng Pháp. Hẳn là các nhà Nho ấy đã dịch: *Nhím* = *Vị* 猬 (蝟). Chắc chắn là trước đó chưa hề có người Việt nào hiểu đúng nghĩa của chữ *Vị* 猬 (蝟).

Hiện đại Hán ngữ từ điển 現代漢語詞典 (của Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc), đã giảng giải về danh từ *Thích vị* 刺蝟, cũng gọi là *Vị* 猬 (蝟), gần giống như ở *Tân Hoa tự điển* mà chúng tôi đã dẫn ở trên. Các quyển từ điển Hán-Việt được biên soạn trong khoảng hai chục năm gần đây thường dựa theo *Hiện đại Hán ngữ từ điển*, tuy không chịu ảnh hưởng của các từ điển Hán-Việt ngày xưa nhưng vẫn không phân biệt được chuột nhím và nhím.

Các quyển từ điển Anh-Việt được biên soạn trong thời gian này cũng vậy. *Từ điển Anh-Việt* của nhóm Hồ Hải Thụy, Chu Khắc Thuật, Cao Xuân Phổ (Nxb TP Hồ Chí Minh, 1994) dựa theo cuốn *Oxford Advanced Learner's English Dictionary*, là một ví dụ. Từ **hedgehog**, sau lời giải thích được dịch từ tiếng Anh là “động vật nhỏ, ăn côn trùng, ngoài da có gai cứng, tự mình cuộn tròn thành quả bóng để tự vệ”, đã được dịch là **con nhím**.

Sự nhầm lẫn giữa chuột nhím và nhím trong các từ điển từ trước đến nay đều do các soạn giả không nắm được một đặc điểm rất quan trọng của nhím là ăn củ, quả, hạt, rễ cây... chứ không ăn các động vật nhỏ.

II. Sự nhầm lẫn giữa chuột nhím và nhím và hệ quả tai hại trong y học

1. Sự ngoa truyền về dạ dày nhím

Trong cuốn sách *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* của Đỗ Tất Lợi (In lần thứ 13, Nxb Y học, Hà Nội, 2005), mở đầu bài CON NHÍM (kèm theo hai chữ Hán 刺蝟 Thích vị) ở trang 1.023, tác giả viết (nguyên văn):

Còn gọi là con dím, hào chú, cao chú, sơn chú, loan chú.

Tên khoa học: *Hystrix hodgsoni*

Thuộc họ Nhím (Hystricidae)

Con nhím cho vị thuốc gọi là **thích vị bì** (Corium Hystrici) là dạ dày của con nhím *Hystrix hodgsoni*. Tại Trung Quốc, người ta dùng dạ dày của loài nhím thích cầu tử hay mao thích *Erinaceus europaeus* L hoặc con nhím *Hemichianus dauricus* Sundevall cùng thuộc họ *Erinaceidae*.

Tiếp theo là các tiểu mục: **A. Mô tả con vật** (giống như ở Từ điển Bách khoa Việt Nam, đã nêu ở trên, xin miễn nhắc lại); **B. Phân bố, sản bắt và chế biến** (có câu: ngoài thịt dùng để ăn, người ta thu lấy lớp da bao phủ dạ dày và gan, phơi hay sấy khô để dành làm thuốc...); **C. Thành phần hóa học** (chưa thấy tài liệu nghiên cứu). Ở tiểu mục **D. Công dụng và liều dùng**, tác giả viết:

Theo tài liệu cổ, dạ dày nhím có vị đắng, ngọt, tính bình ([theo] **Bản thảo cương mục** của Lý Thời Trân thì vị ngọt, tính hàn, không độc). Vào hai kinh vị và đại tràng. Có tác dụng lương huyết (mát máu), giải độc, làm hết đau, trị lậu ra huyết. Dùng chữa những trường hợp trĩ lòi dom chảy máu, di mộng tinh, nôn mửa, lỵ ra máu.

Xin lưu ý rằng, tác giả Đỗ Tất Lợi có ghi thêm các chữ “*Corium Hystrici*”, coi đó là tên Latin của **thích vị bì**. Nhưng *Corium* nghĩa là da chứ không phải là dạ dày. Hơn nữa, khi tìm cái tên “*Corium Hystrici*” trên máy tính thì chỉ thấy vài chục văn bản bằng tiếng Việt nhắc đến danh từ này khi trích dẫn lời của tác giả Đỗ Tất Lợi. Hoàn toàn không thấy một văn bản nào của nước ngoài nhắc đến cái tên ấy. Điều đó chứng tỏ rằng, cái tên *Corium Hystrici* chỉ là do người Việt Nam dịch ra để gán ghép vào mà thôi.

Trong Hán ngữ, nhím có tên là Hào trư 豪猪, dạ dày nhím thì gọi là Hào trư đở 豪猪肚. Nhưng ở đây, GS Đỗ Tất Lợi đã dựa theo các từ điển nên đã hiểu sai rằng nhím cũng có tên là Thích vị 刺猬, và ông cũng khảo cứu về nhím qua cái tên này, dẫn đến sai lầm nghiêm trọng, cho rằng, Thích vị bì 刺猬皮 là dạ dày của con nhím *Hystrix hodgsoni*, mặc dầu đó là da chuột nhím.

Từ điển *Từ hải* (ấn bản 1989 và 1999) viết:

刺猬皮 = 中藥名. 猬科动物刺猬的外皮. 上层的刺由角蛋白构成. 下层的真皮层, 主要含胶原与弹性硬蛋白和脂肪等. 性平, 味苦, 功能化瘀止血, 止痛, 主治胃脘疼痛, 下血, 痔漏等.

Nghĩa là: *Thích vị bì* là một vị thuốc của Trung Quốc, là da bọc ngoài của động vật Thích vị thuộc họ Thích vị. Gai nhọn ở ngoài do chất keratin cấu thành. Lớp da thật ở bên dưới, chủ yếu chứa chất keo, albumin cứng và các chất mỡ. Tính bình, vị đắng, có tác dụng hóa ứ (làm tan chỗ tụ máu), cầm máu, ngừng đau, chủ trị chứng đau bên trong dạ dày, hạ huyết (đại tiện ra máu), bệnh trĩ.

Hán-Anh y học đại từ điển (The Chinese-English Medical Dictionary, Nhân dân vệ sinh xuất bản xã, Bắc Kinh, 1990) viết:

刺猬皮 = Hedgehog skin - *Corium erinacei*: Dried spring skin of *Erinaceus europaeus*, or *Erinaceus dauricus* (Erinaceidae). Used to maintain air or gas moving down-ward, relieve pain, remove heat from blood and arrest bleeding.

Nghĩa là: Thích vị bì = da chuột nhím, tên Latin là *Corium erinacei*, là da dai khô của loài *Erinaceus europaeus* hoặc *Erinaceus dauricus*, dùng để dẫn khí đi xuống, giảm đau, làm mát máu và cầm máu.

Trong bài CON NHÍM của Đỗ Tất Lợi đã dẫn, ở tiểu mục **B. Phân bố, sản bắt và chế biến** có câu: ngoài thịt dùng để ăn, người ta thu lấy lớp da bao phủ dạ dày và gan, phơi hay sấy khô để dành làm thuốc. Câu này mách bảo cho chúng ta biết rằng, khi nghe ba tiếng “Thích vị bì” (chứ không nhìn vào chữ Hán, vì không dựa theo sách mà chỉ dựa theo lời truyền miệng) người ta chú ý đến hai tiếng “vị bì” và cho rằng đó là “vỏ dạ dày” (quả là có chữ Vị nghĩa là dạ dày, nhưng khác với các chữ 猬, 蝟 trong từ Thích vị 刺猬) rồi suy ra rằng, “thích vị bì” là “vỏ dạ dày nhím”, cũng thuộc về “dạ dày nhím” vậy. Nghĩa này không phải do GS Đỗ Tất Lợi nghĩ ra. Chúng tôi biết rằng, vì không biết chữ Hán nhưng vốn là người cẩn thận nên ông đã hỏi ý kiến vài vị thầy thuốc Đông y (mà chúng tôi cũng biết họ). Rủi thay, điều đó đã khiến ông phạm thêm một sai lầm nữa: **da chuột nhím đã biến thành dạ dày nhím**. Hồ đồ như thế thì việc trích dẫn lời của Lý Thời Trân về dạ dày nhím trong *Bản thảo cương mục* có đáng tin hay không?

Trong vài chục năm gần đây, trên nhiều tờ báo in và báo điện tử có rất nhiều bài nói về công dụng chữa bệnh của dạ dày nhím. Phần lớn các bài này đều dựa theo bài CON NHÍM trong sách *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Đặc biệt là hầu như bài nào cũng chép lại “lời của Lý Thời Trân nói về dạ dày nhím trong sách *Bản thảo cương mục*”. Có vài tác giả đã biết rằng, trong Hán ngữ *Hào trư đồ* mới là dạ dày nhím nhưng họ vẫn nói Thích vị bì là da nhím. Một số bài viết về nhím nhưng lại kèm theo hình chuột nhím, một động vật mà ở nước ta không có.

2. Y học cổ truyền Trung Quốc viết về dạ dày nhím như thế nào?

Như đã nói, trong Hán ngữ, *dạ dày nhím* có tên là *Hào trư đồ* 豪猪肚. Tra cứu mục từ này trên mạng Internet, chúng tôi tìm thấy hai bài về chủ đề này. Một bài chép ở *Trung dược đại từ điển* 中藥大辭典 và một bài chép từ bộ sách *Trung Hoa bản thảo* 中華本草 do Cục Quản lý Trung y dược quốc gia của Trung

Quốc biên soạn, hoàn thành năm 1999. Đây là một bộ sách y dược cực kỳ to lớn, đại biểu cho trình độ tối cao và hiện đại của nền y dược học Trung Hoa, với dung lượng 24 triệu chữ, nghĩa là lớn gấp 15 lần bộ *Bản thảo cương mục*, tương đương với 30 triệu từ đơn âm trong tiếng Việt, gấp 10 lần bộ *Từ điển Bách khoa Việt Nam* 4 tập hiện nay. Nói thế để thấy rằng, bộ sách này đã thu tóm hầu hết mọi kiến thức và kinh nghiệm về y dược học của Trung Quốc từ xưa đến nay.

Về vị thuốc *Hào trư đồ* 豪猪肚 tức là dạ dày nhím, *Trung Hoa bản thảo* viết dài hơn *Trung dược đại từ điển* vì có đoạn mô tả về nhím và tập tính sinh học của nhím, còn về tính chất và công dụng y dược học của nhím thì viết giống nhau, hoàn toàn khác với những điều được coi là “lời của Lý Thời Trân trong *Bản thảo cương mục*”. Bởi vì trên kia chúng tôi đã mô tả khá kỹ về nhím nên ở đây chỉ cần sử dụng bài viết của *Trung dược đại từ điển*, như sau đây là đủ.

豪猪肚 (《食疗本草》)

【来源】为豪猪科动物豪猪的胃。

【性味】《纲目》：“寒，无毒。”姚可成《食物本草》：“甘，寒，无毒。”【功用主治】清热利湿。治黄疸，水肿，脚气，奔豚。

《唐本草》：“治黄疸。”

《食疗本草》：“理热风水胀。”

《纲目》：“烧研，酒服，治水肿，脚气，奔豚。”

【选方】治水病腹胀：取豪猪肚烧干，捣末细罗。每朝空心，温酒服二钱匕 (《食疗本草》)

Dịch và ghi chú:

Hào trư đồ, được ghi trong *Thực liệu bản thảo* (Do Mạnh Sơn 孟詵 (621-713) thời Đường biên soạn, đó là sách thuốc cổ nhất của Trung Quốc hiện còn, được phát hiện tại di chỉ khảo cổ học ở Đôn Hoàng năm 1907).

Nguồn gốc: là dạ dày của nhím, động vật thuộc họ Nhím.

Tính, vị: Theo *Cương mục*: tính hàn, không độc.

Theo Diêu Khả Thành, trong sách *Thực vật bản thảo* (thời Minh): vị ngọt, tính hàn, không độc.

Công dụng, chủ trị: thanh nhiệt lợi thấp (giải nhiệt, bớt khô), trị hoàng đản, thủy thũng, cước khí (phù hai chân), bồn đôn (bệnh do khí lạnh ở thận từ bụng dưới xông lên ngực, lên cổ họng, gây đau thắt ở vùng bụng dưới, tức ngực, hoa mắt, chóng mặt).

Theo *Đường bản thảo* (còn gọi là *Đường tân tu bản thảo* hoặc *Tân tu bản thảo*, là một bộ sách thuốc được biên soạn năm 659, đời vua Cao Tông, nhà Đường): trị hoàng đản.

Theo *Thực liệu bản thảo*: chữa nhiệt phong thủy trướng.

Theo *Cương mục*: thiêu nghiên (đốt cháy rồi nghiền), tửu phục (uống với rượu), trị thủy thũng, cước khí, bồn đôn.

Tuyển phương (Bài thuốc chọn lọc). Trị thủy bệnh cổ trướng (bệnh phù thũng, bụng phình to): lấy dạ dày nhím thiêu khô, giã nhỏ, rây mịn, mỗi lần trước bữa ăn, uống 2 thìa nhỏ với rượu ấm (theo *Thực liệu bản thảo*).

*
* *

Người viết bài này xin phép không bình luận gì thêm, và tin rằng, mỗi độc giả đều có thể tự rút ra những kết luận bổ ích và cần thiết, tùy theo từng góc nhìn.

L M C

TÓM TẮT

Chuột nhím và nhím là hai loài thú khác nhau. Chuột nhím (Hán ngữ: Vĩ (猬) hoặc Thích vĩ (刺猬), Anh ngữ: Hedgehog, Pháp ngữ: Hérisson) thuộc bộ Ăn thịt, sống ở xứ lạnh. Còn nhím (Hán ngữ: Hào trư (豪猪) hoặc Tiễn trư (箭猪), Anh ngữ: Porcupine, Pháp ngữ Porc-épic) thuộc bộ Gặm nhấm, ăn thực vật, sống ở xứ nóng và đây mới là loài phân bố tại Việt Nam. Thế nhưng, tất cả các nhà biên soạn từ điển ở nước ta từ trước đến nay đều đã sai lầm khi cho rằng chuột nhím chính là nhím, thể hiện qua rất nhiều cuốn từ điển của nhiều thứ tiếng (Việt, Hán, Anh, Pháp, Nga...). Sai lầm này có lẽ do những người biên soạn từ điển đầu tiên đã không tìm hiểu kỹ càng về tập tính sinh học cũng như môi trường sống của hai loài thú này, rồi các thế hệ tiếp sau cứ thế noi theo, cho đến tận ngày nay.

Sự nhầm lẫn từ chuột nhím thành nhím đã dẫn đến việc hiểu sai vị thuốc Thích vĩ bì, tức *da chuột nhím*, thành *dạ dày nhím*, từ đó dẫn đến sự ngộ nhận về tác dụng y dược của hai loài thú này.

Đáng tiếc là cho đến nay, những sai lầm này vẫn còn rất phổ biến trên sách báo ở nước ta.

ABSTRACT

AN “INHERENT” MISTAKE IN VARIOUS DICTIONARIES AND ITS IMPACT IN PHARMACEUTICS

Hedgehog and Porcupine are two different animals. Hedgehog (Chinese language: Vĩ (猬) or Thích vĩ (刺猬), French: Hérisson) of the order Carnivora lives in cold regions; meanwhile Porcupine (Chinese language: Hào trư (豪猪) or Tiễn trư (箭猪), French language: Porc-épic) of the order rodentia is herbivorous animals living in tropical regions and it is porcupines that live in Vietnam. However, Vietnamese lexicographers defined it wrongly in their bilingual dictionaries (Vietnamese, Chinese, English, French, Russian...). This mistake is probably due to the early lexicographers' lack of thorough understanding of the biological habit as well as the habitat of these two species, and it was repeated by the next ones.

The confusion between Hedgehog and Porcupine has led to the misinterpretation of the “Thích vĩ bì” remedy (*Hedgehog's skin*) as *porcupine's stomach*, then there was the mistake about the medical effect of these two animals.

So far, unfortunately, this mistake has still been popular in Vietnamese books and newspapers.